

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

NGUYỄN THỊ TÌNH\*

Ngày nhận bài: 25/05/2016; ngày sửa chữa: 26/05/2016; ngày duyệt đăng: 26/05/2016.

**Abstract:** Training teacher competence is very important task of education management. This paper mentions developing professional capacity for teachers in term of nature, purposes, contents, functions and roles with aim to improve quality of education to meet requirements of society.

**Keywords:** Teacher's professional capacity development, competence, theory.

Nhà nay, chỉ có năng lực (NL) thực sự mới giúp một người phát triển nghề nghiệp. Thăng tiến nghề nghiệp, không ngừng nâng cao mức độ đáp ứng của bản thân với yêu cầu nghề dạy học là quá trình thích ứng của người giáo viên (GV) với những thay đổi luôn diễn ra trong lao động nghề nghiệp của họ. Đặc biệt, trong xu thế đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam hiện nay, phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên (NLNNGV) sẽ tạo bước đột phá làm chuyển biến chất lượng giáo dục.

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu về phát triển NL cho học sinh (HS) và sinh viên đã có không ít tác giả quan tâm như: Đặng Quốc Bảo và Phạm Minh Mục [1], Nguyễn Thị Thường [2], Phan Thị Hồng Gấm [3]... Tuy nhiên, nghiên cứu về phát triển NLNNGV chưa nhiều, chỉ một số tác giả như: Nguyễn Ngọc Sáng [4], Nguyễn Hữu Độ [5] và một số bài viết trong Hội thảo khoa học về "Phát triển NLNNGV toàn phổ thông Việt Nam" [6].

Các công trình khoa học nêu trên làm cơ sở lý luận cho bài viết của chúng tôi trong việc làm rõ một số vấn đề lý luận về phát triển NLNNGV: khái niệm NL, NLNNGV, phát triển NLNNGV, cũng như xác định được bản chất, mục đích, nội dung, đặc điểm và vai trò của phát triển NLNNGV.

## 1. Năng lực nghề nghiệp giáo viên

**1.1. Khái niệm "năng lực".** NL có nguồn gốc tiếng latin là "competentia", có nghĩa là gặp gỡ. Ngày nay, khái niệm NL được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau: - NL là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động và trách nhiệm đạo đức; - NL là những khả năng và kỹ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống

xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội... và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm, hiệu quả trong những tình huống linh hoạt... [7].

Như vậy, có thể hiểu: NL là sự thực hiện có hiệu quả và có trách nhiệm các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trong những tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động.

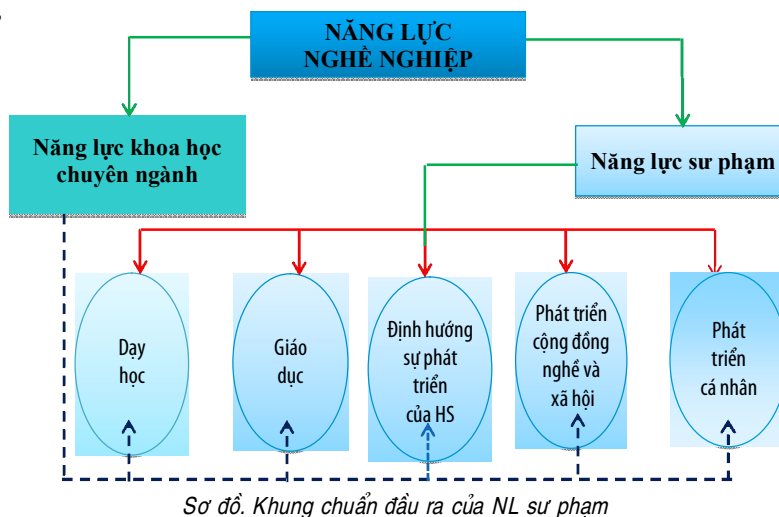
**1.2. Khái niệm "năng lực nghề nghiệp giáo viên".** NLNNGV là sự thực hiện có hiệu quả và có trách nhiệm các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề thuộc lĩnh vực nghề sư phạm (dạy học và giáo dục) trong những tình huống khác nhau trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kỹ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động.

## 1.3. Hệ thống NLNNGV

- Ở Đức, chuẩn đào tạo GV - các khoa học giáo dục bao gồm các lĩnh vực NL sau [8]: 1) *Dạy học*: + GV lập kế hoạch dạy học phù hợp với chuyên môn và công việc và tiến hành nó khách quan, cụ thể về chuyên môn; + GV hỗ trợ việc học của HS qua việc tổ chức các tình huống học, động viên HS và tạo cho chúng có NL thiết lập các mối liên hệ và sử dụng cái đã học; + GV khuyến khích các khả năng tự quyết định học và làm việc của HS. 2) *Giáo dục*: + GV biết các điều kiện sống về xã hội, văn hóa của HS và tác động đến phát triển cá nhân của họ trong khuôn khổ nhà trường; + GV truyền đạt các giá trị, chuẩn mực, hỗ trợ việc đánh giá và hành động tự quyết của HS; + GV tìm ra cách tiếp cận giải pháp cho những khó khăn và

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

xung đột trong nhà trường và giờ học. 3) *Đánh giá*: GV chẩn đoán các tiền đề học và quá trình học của HS, khuyến khích HS có mục đích, tư vấn cho HS và phụ huynh; + GV xác định các thành tích của HS trên cơ sở các thước đo đánh giá minh bạch. 4) *Đổi mới*: + GV ý thức được các yêu cầu đặc biệt của nghề GV, hiểu nghề mình như là một chức trách công với trách nhiệm và nghĩa vụ đặc biệt; + GV hiểu nghề của mình như là nhiệm vụ học thường xuyên; + GV tham gia vào việc lập kế hoạch và triển khai các dự án, dự định của nhà trường.



- Ở Việt Nam, chuẩn nghề nghiệp của GV phổ thông bao gồm 8 tiêu chuẩn và 39 tiêu chí [9].

- Ở Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, để thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và nâng cao chất lượng đào tạo GV, đáp ứng nhu cầu xã hội, đã xác định khung chuẩn đầu ra của NL sư phạm [10] bao gồm (xem sơ đồ): 1) *NL dạy học*: + Phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa; + Vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn; + Dạy học phân hoá; + Dạy học tích hợp; + Xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học; + Tổ chức các hoạt động học tập của HS/NL thực hiện kế hoạch bài học; + Tổ chức và quản lý lớp học trên giờ học; + Hỗ trợ HS đặc biệt trong dạy học; + Đánh giá sự tiến bộ và kết quả học tập của HS; + Xây dựng, quản lý và khai thác hồ sơ dạy học. 2) *NL giáo dục*: + Giáo dục qua giảng dạy môn học; + Xây dựng kế hoạch giáo dục; + Vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục; + Tổ chức hoạt động giáo dục; + Xử lý các tình huống giáo dục; + Giáo dục HS có hành vi không mong đợi; + Phối hợp với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; + Tư vấn, tham vấn cho HS; + Đánh giá sự tiến bộ và kết quả giáo dục HS; + Xây dựng, quản lý và khai thác hồ sơ giáo dục. 3) *NL định hướng sự phát triển của HS*: + Nhận diện đặc điểm cá nhân và điều kiện, môi trường sống (gia đình, xã hội) của HS (chẩn đoán tiền đề học tập và phát triển); + Hỗ trợ HS thiết kế chiến lược và kế hoạch phát triển; + Hỗ trợ HS tự đánh giá và điều chỉnh. 4) *NL phát triển cộng đồng nghề và xã hội*: + Phát triển cộng đồng nghề; + Công tác xã hội. 5) *NL phát triển cá nhân*: + Học; + Giao tiếp; + Hợp tác; + Thích ứng môi trường; + Nghiên cứu khoa học.

## 2. Phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên

*Phát triển NLNNGV* thể hiện ở khả năng vận dụng sáng tạo tri thức, kĩ năng, kĩ xảo của cá nhân vào quá trình hoạt động dạy học và giáo dục.

Phát triển NLNNGV cũng có thể được hiểu là sự phát triển nghề nghiệp mà một GV đạt được do có các kĩ năng nâng cao (qua quá trình học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp) đáp ứng các yêu cầu sát hạch việc giảng dạy, giáo dục một cách hệ thống [11].

Từ đó, có thể quan niệm rằng: *Phát triển NLNNGV được hiểu là sự thay đổi theo hướng tích cực (tăng cường và nâng cao) hệ thống NL nghề nghiệp mà một GV cần đạt được (qua quá trình học tập, nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp) đáp ứng các yêu cầu sát hạch việc giảng dạy, giáo dục một cách hệ thống, nhằm tạo sự thích ứng trong lao động nghề nghiệp của GV.*

**2.1. Về bản chất.** Phát triển NLNNGV là quá trình gia tăng sự thích ứng trong lao động nghề nghiệp của GV. Thực tiễn dạy học đã khẳng định: những phương pháp giảng dạy tốt sẽ có ảnh hưởng tích cực đến việc HS “học cái gì” và “học như thế nào”. Học cách dạy và làm việc để trở thành một GV giỏi (gặt hái được những thành tựu cao trong lao động nghề nghiệp) là cả một quá trình lâu dài. Kết quả của quá trình này như thế nào phụ thuộc vào mức độ tích cực của mỗi GV trong việc phát triển những kiến thức nghề nghiệp cũng như các giá trị và quan điểm đạo đức nghề nghiệp của họ. Bên cạnh đó, việc giám sát và hỗ trợ của các chuyên gia hoặc đồng nghiệp có kinh nghiệm để mỗi GV phát triển được các NL nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng.

**2.2. Mục đích của phát triển NLNNGV** là để trở thành người có ảnh hưởng tích cực/hiệu quả đến

việc hình thành, phát triển hoạt động học và tự giáo dục của HS. Tính định hướng (mục đích) của phát triển NLNNGV đồng thời hướng đến sự phát triển của mỗi GV và sự phát triển của hệ thống/tổ chức, cơ sở giáo dục. Như vậy, *phát triển NLNNGV mang lại những thay đổi cho cá nhân mỗi GV và cho cả hệ thống giáo dục (ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô).*

**2.3. Nội dung của phát triển NLNNGV.** Phát triển NL nghề nghiệp liên tục của GV bao hàm *phát triển NL chuyên môn và NL nghiệp vụ của nghề* (nghiệp vụ sư phạm) cho GV và cả hệ thống. NL nghiệp vụ sư phạm của GV lại được xác định bởi NL thực hiện các vai trò của GV trong quá trình lao động nghề nghiệp của mình. Bản thân các vai trò của GV (gắn liền với chức năng của họ) cũng không phải là bất biến.

Nhà trường hiện đại đã và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với GV. Theo đó, GV phải đảm nhận thêm những vai trò mới. Vai trò người hướng dẫn, tư vấn và chăm sóc tâm lí HS mà người GV trong nhà trường hiện đại phải đảm nhận là một minh họa. Theo logic này, nội dung phát triển nghề nghiệp liên tục của GV rất phong phú, bao gồm cả việc mở rộng, đổi mới tri thức khoa học liên quan đến giảng dạy môn học do GV phụ trách đến mở rộng, phát triển, đổi mới tri thức, kĩ năng thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường cũng như phát triển các giá trị, đạo đức nghề nghiệp. Trong các nội dung nêu trên, gia tăng NL nghiệp vụ của nghề (nghiệp vụ sư phạm) cho GV là nội dung quan trọng.

**2.4. Đặc điểm của phát triển NLNNGV:** 1) Phát triển NLNNGV dựa trên xu hướng tạo dựng thay vì dựa trên mô hình chuyển giao; 2) Là một quá trình mang tính tất yếu và lâu dài đối với mỗi GV: *Tất yếu* bởi dạy học và giáo dục là những quá trình thay đổi và gắn liền với sự sáng tạo của mỗi GV, *lâu dài* bởi phát triển NLNNGV bắt đầu từ sự chuẩn bị khởi đầu ở cơ sở đào tạo nghề và tiếp tục trong quá trình lao động nghề nghiệp của GV tại cơ sở giáo dục cho đến khi về hưu; 3) Được thực hiện với những nội dung cụ thể; 4) Liên quan mật thiết với những thay đổi/cải cách trường học; 5) Phát triển NLNNGV là một quá trình cộng tác; 6) Được thực hiện và thể hiện rất đa dạng, có thể rất khác biệt ở những bối cảnh khác nhau (không có một dạng hay một khuôn mẫu duy nhất cho sự phát triển NLNNGV để áp dụng cho bất kì cơ sở giáo dục nào).

**2.5. Vai trò của phát triển NLNNGV:** 1) Hỗ trợ GV trong việc xây dựng những lí thuyết và thực tiễn

sư phạm, giúp họ phát triển sự thành thạo trong nghề; 2) Có ảnh hưởng tích cực/hiệu quả đến việc hình thành, phát triển hoạt động học và tự giáo dục của HS, “dùng nhân cách để tác thành nhân cách”; 3) Gia tăng sự thích ứng trong lao động nghề nghiệp của GV; 4) Mang lại những thay đổi cho cá nhân mỗi GV và cho cả hệ thống giáo dục (ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô).

\* \* \*

Sự thay đổi liên tục của dạy học và giáo dục là điều tất yếu, vì rất ít GV có thể quả quyết rằng “mình đã hiểu biết tất cả, đã tinh thông nghề dạy học”. Cũng vì thế, mỗi GV cần phát triển NL nghề nghiệp của mình một cách liên tục, mỗi cơ sở giáo dục phải xác định việc phát triển chuyên môn và nghiệp vụ liên tục cho GV, coi đây là nhiệm vụ chủ yếu trong nội dung quản lí nhân lực tại cơ sở giáo dục, từ đó mới có thể thay đổi hướng tới một nền giáo dục có chất lượng. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Quốc Bảo - Phạm Minh Mục (2015). *Năng lực và phát triển năng lực cho học sinh*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 117 (tháng 6/2015).
- [2] Nguyễn Thị Thường (2015). *Phát triển năng lực tự học của sinh viên trong giảng dạy triết học Mác-Lênin ở đại học hiện nay*. Tạp chí Khoa học Giáo dục số 117 (tháng 6/2015).
- [3] Nguyễn Thị Hồng Gấm (2012). *Phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên thông qua dạy học phân hóa học vô cơ và lí luận - Phương pháp dạy học hoá học ở trường cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [4] Nguyễn Ngọc Sáng (2015). *Một số biện pháp nâng cao năng lực sư phạm cho giảng viên khoa học xã hội và nhân văn tại các trường sư quan quân đội*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 121 (tháng 10/2015).
- [5] Nguyễn Hữu Độ (2011). *Một số mô hình phát triển nghề nghiệp giáo viên*. Tạp chí Giáo dục, số 265 (kì 1-7/2011).
- [6] Nguyễn Văn Cường - Bernd Meier (2014). *Lí luận dạy học hiện đại*. NXB Đại học Sư phạm.
- [7] Bộ GD-ĐT (2012). *Tài liệu Hội thảo đào tạo tin chỉ theo phương pháp dạy học hiện đại - Dự án Giáo dục Đại học 2*.
- [8] Bộ GD-ĐT (2010). *Tài liệu tập huấn triển khai chuẩn nghề nghiệp giáo viên*.
- [9] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (3/2014). *Đề án đổi mới chương trình đào tạo giáo viên*.
- [10] Bùi Văn Quân - Nguyễn Hữu Độ (2012). *Hướng dẫn đồng nghiệp trong phát triển nghề nghiệp giáo viên (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên)*. NXB Giáo dục Việt Nam.